

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ.

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG TVAM

1. Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM (TVGF)
2. Loại hình quỹ: Quỹ đóng
3. Ngày đăng ký bản cáo bạch với UBCKNN:
4. Thời hạn hiệu lực của bản cáo bạch:
5. Tiêu đề của bản cáo bạch: Bản cáo bạch Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM
6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM được mô tả trong bản cáo bạch này là quỹ đầu tư được thành lập theo Luật Chứng khoán, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ... tháng ... năm 2015

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin:

Ông Trần Vinh Quang

Chức vụ: Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)

Điện thoại : (848) 6299 2090 Fax : (848) 6299 2103

Địa chỉ : Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

8. Nơi cung cấp bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh công ty, Website...):

Bản Cáo Bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Điều Lệ Quỹ, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (www.tvam.vn), tại địa chỉ Công Ty tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh và các Đại Lý Phân Phối.

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (“TVAM”)

- Ông/Bà: Nguyễn Thanh Thảo - Chức vụ: Chủ tịch
- Ông/Bà: Trần Vinh Quang - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Anh Tú - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

- Đại diện theo pháp luật: Ông: Nguyễn Mạnh Cường
- Chức vụ: Phó Giám đốc

3. Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt *lập sau khi có xác nhận của* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do TVAM cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM” Là Quỹ đại chúng dạng đóng theo quy định của pháp luật về chứng khoán (Sau đây gọi tắt là “Quỹ” hoặc “TVGF”).

“Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt” Là Công ty quản lý quỹ hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/6/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015. (Sau đây gọi tắt là “Công ty quản lý quỹ” hoặc “TVAM”). TVAM là Công ty được ủy thác quản lý Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM.

“Ngân hàng giám sát” Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Giấy chứng nhận Chi nhánh Hoạt động lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký cấp

ngày 30 tháng 12 năm 2014, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như bảo quản, lưu ký chứng khoán, các hợp đồng kinh tế và chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập theo quy định của pháp luật và thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty Quản lý Quỹ thực hiện.

- “Công ty kiểm toán”** Là Công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
- “Điều lệ”** Là Điều lệ Quỹ, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
- “Bản cáo bạch”** Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử cung cấp cho nhà đầu tư, cơ quan quản lý có thẩm quyền những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ Quỹ..
- “Hợp đồng giám sát”** Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
- “Đại hội Nhà đầu tư”** Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền tham dự và biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường, để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ, thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
- “Ban đại diện quỹ”** Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
- “Vốn điều lệ”** Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
- “Chứng chỉ quỹ”** Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư góp vốn đối với một phần vốn góp của Quỹ.
- “Giá bán”** Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu) cộng thêm phí phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Phí quản lý quỹ”** Là phí mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Phí thưởng”	Là phí mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu do Đại hội Nhà đầu tư quy định một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ.
“Lợi nhuận quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày lập Quỹ”	Là ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.
“Năm tài chính”	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm định giá.
“Thời điểm định giá”	Là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng hoặc những ngày khác do Ban đại diện quỹ xác định phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam để định giá Giá trị Tài sản ròng.
“Người có liên quan”	Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Với tốc độ tăng trưởng hàng năm vào khoảng 7.2% trong suốt thế kỉ vừa qua (đứng thứ 3 Châu Á, sau Trung Quốc và Ấn Độ), Việt Nam đang trải qua thời kỳ thay đổi mạnh mẽ để vươn lên trở thành một trong những nền kinh tế mới nổi tăng trưởng nhanh nhất. Với lượng dân số trẻ nhất thế giới, Việt Nam đang trở thành một trong những điểm đến đầu tư hàng đầu của nhiều công ty đa quốc gia lớn nhằm đa dạng hóa danh mục đầu tư ở châu Á

Nền kinh tế trong nước đang có những chuyển biến tích cực để chuẩn bị cho cơ hội hội nhập quốc tế trong những năm sắp tới. Nỗ lực của Chính phủ trong việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, phát triển thị trường bất động sản, hạ lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế và hoàn thiện các văn bản, chính sách hỗ trợ thị trường đã giúp nền kinh tế có những bước đầu hiệu khởi sắc vững chắc. Dự trữ ngoại hối cao, tỷ giá ổn định, xuất

nhập khẩu tăng tốc, lạm phát hạ nhiệt và lãi suất giảm... là những điểm sáng trong bức tranh kinh tế trong những năm qua. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư tại thị trường Việt Nam và tìm cách nắm bắt sự tăng trưởng thông qua hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp trong nước. Thông qua việc mở room nước ngoài đến 100%, Chính phủ đang nỗ lực đẩy mạnh thực thi các chính sách hỗ trợ nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, đem lại ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng trong tương lai.

Là nước có nhiều lợi thế cạnh tranh lớn như chi phí nhân công thấp, tỷ lệ người dân biết chữ cao và lực lượng dân số trẻ và năng động, Việt Nam đang được xem như là một điểm đến đầu tư đầy hấp dẫn.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

▪ GDP đang dần tăng tốc

Bức tranh kinh tế trong những năm gần đây có những dấu hiệu tích cực khi GDP qua từng quý liên tục tăng tốc và vượt nhiều so với kỳ vọng.

Tăng trưởng GDP năm 2014 là 5,98% so với cùng kỳ, cao hơn mục tiêu 5,8% mà Chính phủ đề ra. Kinh tế đầu năm 2015 cũng tăng trưởng vượt dự báo với GDP quý I đạt 6,03% so với cùng kỳ, là mức tăng mạnh nhất trong vòng 7 năm qua. Đây là một con số hoàn toàn bất ngờ khi các dự báo trước đó đều nhận định, GDP của Việt Nam trong quý đầu năm 2015 chỉ có thể đạt từ 5,4-5,6%. Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh trong quý 2 với GDP tăng 6,44% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng của quý 1 và đặc biệt cao hơn nhiều so với mức 5,34% của quý 2 năm 2014.

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế hiện nay, mục tiêu của chính phủ về tăng trưởng GDP 6,2% trong năm 2015 hoàn toàn có thể đạt được và thậm chí có thể vượt chỉ tiêu đó. Với nhiều Hiệp định tự do thương mại (FTA) dự kiến sẽ được ký kết trong tương lai như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định tự do thương mại Liên minh châu Âu - Việt Nam và các Hiệp định thương mại song phương khác, Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng mạnh mẽ về thương mại và đầu tư, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP của cả nước trong những năm sắp tới.

▪ Lạm phát hạ nhiệt và lãi suất giảm

	2010	2011	2012	2013	2014	Nguồn
CPI %	9,2%	18,7%	9,1%	6,6%	4,1%	Tổng cục thống kê
Lãi suất tiền gửi	11,2%	14,0%	10,5%	8,0%	5,8%	Ngân hàng Nhà nước

▪ Tiềm năng mở “room” cho nhà đầu tư nước ngoài

Hiện nay, các công ty niêm yết ở Việt Nam có sở hữu nước ngoài bị giới hạn bởi 49%, ngoại trừ ngân hàng bị giới hạn ở mức thấp hơn là 30%. Chính phủ đã thông qua Nghị

định 60 chính thức mở room cho nhà đầu tư nước ngoài lên đến 100% ngoại trừ một số ngành nghề có điều kiện và nếu điều lệ công ty không có quy định giới hạn. Chúng tôi tin tưởng rằng việc nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, nếu được áp dụng, sẽ như là một chất xúc tác quan trọng để kích thích sự tăng trưởng liên tục của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

- **Đặc điểm nhân khẩu học thuận lợi**

Dân số và lực lượng lao động của Việt Nam lớn, đang phát triển, trẻ, có học thức cao, và thu nhập đang tăng lên. Dân số của Việt Nam xếp thứ mười ba trên thế giới, với hơn 89,7 triệu người vào năm 2013, tăng 8,8% so với mức 82,4 triệu năm 2005. Lực lượng lao động được ước tính là 53,2 triệu trong năm 2013, tăng 18% so với mức 44,9 triệu năm 2005. Hơn một nửa dân số là ở độ tuổi dưới 30.

Hội đồng quản trị tin rằng những đặc điểm nhân khẩu học thuận lợi đó sẽ góp phần vào tăng trưởng tiêu dùng và tạo ra các cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư tại Việt Nam.

- **Dòng vốn FDI tăng trưởng mạnh**

Việt Nam đang tích cực xây dựng uy tín của mình để chiếm được niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài. Với các Hiệp định tự do thương mại đang và sắp được ký kết như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Liên minh châu Âu - Việt Nam, Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam-Liên minh hải quan (Liên bang Nga-Belarus-Kazakhstan) và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Việt Nam đang trở thành một đầu mối của mạng lưới kinh tế lớn kết nối 55 quốc gia, bao gồm cả những nước trong khối G20. Thông qua những Hiệp định tự do thương mại sắp tới, Việt Nam sẽ được miễn thuế xuất khẩu sang các nước tham gia kí kết. Việc được hưởng ưu đãi thuế thông qua các Hiệp định thương mại tự do là động lực lớn để các doanh nghiệp nội địa tăng cường xuất khẩu. Dòng vốn đầu tư nước ngoài đang ồ ạt đổ vào Việt Nam để tận dụng những triển vọng lạc quan mà các Hiệp định thương mại mang lại.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
- Tên viết tắt: TVAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/6/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và

Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015.

- Trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.62992090 Fax: 08.62992103
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỷ đồng)

1.1 Giới thiệu về cổ đông TVAM: TVS - cổ đông sở hữu 99,2% TVAM

Được thành lập vào năm 2007, TVS là một tổ chức ngân hàng đầu tư độc lập được cấp phép đầy đủ với hoạt động trong ngành nghề kinh doanh chứng khoán và tư vấn tài chính tại Việt Nam, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và nỗ lực đáp ứng nhu cầu khách hàng. Dịch vụ tài chính của TVS bao gồm Ngân hàng đầu tư, môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài, môi giới cho khách hàng trong nước, tự doanh và nghiên cứu phân tích.

TVS có trụ sở tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với một đội ngũ hơn 70 thành viên. Trong tháng 6 năm 2010, TVS đã trở thành tổ chức Ngân hàng đầu tư đầu tiên tại Việt Nam nhận được vốn đầu tư từ IFC, thành viên của World Bank (Ngân hàng Thế giới).

Trong 3 năm qua (2011 - 2013), TVS luôn nằm trong top 5 của hơn 100 công ty chứng khoán tại Việt Nam với lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao nhất. TVS luôn tập trung vào hai mảng kinh doanh chính - Ngân hàng đầu tư và Tự doanh trong giai đoạn khó khăn của thị trường tài chính.

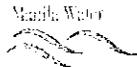
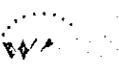
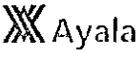
Trong mảng Tự doanh, Hội đồng quản trị của TVS luôn cố gắng cân bằng rủi ro và lợi nhuận phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị thay vì đầu cơ theo xu hướng thị trường. Trong năm 2013, danh mục đầu tư của TVS tăng 69% trong khi VNIndex tăng 22%.

Trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư, TVS là một trong những nhà tư vấn hàng đầu tại Việt Nam với tổng số 19 giao dịch thành công với tổng giá trị trên USD530 triệu. Thương vụ Diana - Unicharm, trong đó TVS là nhà tư vấn tài chính độc quyền của các cổ đông Diana, được trao giải thưởng "Thương vụ tốt nhất của năm" bởi tạp chí The Asset Magazine vào năm 2011.

• Thành tích ngân hàng đầu tư TVS (một số thương vụ tiêu biểu)

Ở Việt Nam, TVS đã hoàn thành 19 thương vụ huy động vốn và M&A với tổng giá trị trên 530 triệu USD

Năm	Quy mô	Khách hàng	Nhà đầu tư	Ghi chú
2014	US\$13MM	RED RIVER HOLDING	GIC	M&A ngành vận tải

2014	US\$20MM			M&A ngành thủy sản
2014	US\$22MM		 & others	Huy động vốn ngành bất động sản
2013	US\$15MM			Huy động vốn ngành cơ sở hạ tầng
2013	US\$20MM			M&A ngành truyền thông giải trí
2013	US\$40MM			M&A ngành bất động sản
2012	US\$30MM			M&A ngành ngân hàng
2012	US\$42MM			M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2012	US\$16MM	BTRC		M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2011	US\$41MM			M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2011	US\$184MM (thông tin công bố)			M&A ngành hàng tiêu dùng Giải thưởng “Thương vụ tốt nhất năm” bởi tạp chí “The Asset Magazine” năm 2011
2010	US\$40MM			Huy động vốn lĩnh vực cơ sở hạ tầng
2008	US\$15MM			M&A lĩnh vực vật liệu xây dựng
2007	US\$11MM			M&A lĩnh vực hàng tiêu dùng; thương vụ đầu tư đầu tiên của Goldman

				Sachs ở Việt Nam
--	--	--	--	------------------

1.2 - Giới thiệu về Hội đồng đầu tư TVAM (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

Hoạt động kinh doanh của Quỹ sẽ được quản lý dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty quản lý Quỹ. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xác định mục tiêu đầu tư, đưa ra các chính sách và hạn chế trong lĩnh vực đầu tư. Các cuộc họp Ban lãnh đạo sẽ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị sẽ giám sát tình hình kinh doanh của Quỹ và đưa ra chỉ đạo, hướng dẫn đối với Giám đốc đầu tư nếu thấy thích hợp.

Hội đồng quản trị đưa ra quyết định đầu tư khi có đa số phiếu bầu tại các cuộc họp với đủ số đại biểu cần thiết tham dự. Trong trường hợp số phiếu bầu là bằng nhau, Chủ tịch có quyền quyết định cuối cùng.

Thông tin chi tiết Hội đồng quản trị hiện tại:

▪ Ông **NGUYỄN TRUNG HÀ**

Ông Hà được biết đến như là một chiến lược gia kinh doanh hàng đầu với bề dày kinh nghiệm đầu tư quahon 30 công ty trong nước. Ông Hà là một trong những thành viên sáng lập của tập đoàn FPT trong 1988 và là người hoạch định chiến lược của FPT trong nhiều năm. Ông Hà cũng là thành viên sáng lập của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), hiện là ngân hàng thương mại tư nhân lớn nhất tại Việt Nam.

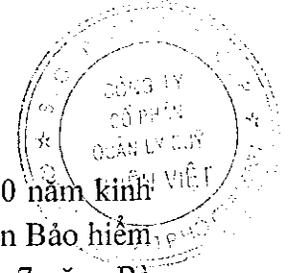
▪ Bà **ĐINH THỊ HOA**

Bà Hoa là người thành lập và là Chủ tịch tập đoàn Galaxy, một trong những tập đoàn truyền thông và giải trí thành công lớn nhất Việt Nam. Bà Hoa là người Việt Nam đầu tiên có bằng MBA tại Đại học Harvard sau giải phóng. Bà cũng là nhân tố quan trọng trong việc hỗ trợ thiết lập các hợp đồng đầu tiên của Procter & Gamble (trị giá 100 triệu USD) tại Việt Nam trước khi thành lập tập đoàn Galaxy vào năm 1994. Bà Hoa cũng là người thành lập Trường kinh doanh Hà Nội và cũng là Trưởng khoa Marketing của trường trong nhiều năm.

▪ Bà **NGUYỄN THANH THẢO**

Bà Thảo là Giám đốc điều hành chi nhánh công ty TVS tại TP Hồ Chí Minh từ tháng 09/2008 trước khi trở thành Tổng Giám đốc Công ty TVS vào tháng 03/2013. Bà từng là Trưởng phòng nghiên cứu và phân tích của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt khi gia nhập TVS vào năm 2007. Bà từng là chuyên viên phân tích tài chính cao cấp tại Ameritrust Capital Holdings - một trong những nhà cho vay thế chấp lớn nhất ở Mỹ, và các tổ chức tài chính khác. Trước đó, Bà từng làm việc tại văn phòng luật tại California, Mỹ. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại trường ĐH Quan hệ Quốc tế (MGIMO) tại Cộng hòa liên bang Nga năm 1997 và bằng Quản trị kinh doanh (MBA) tại California, Mỹ năm 2005.

▪ Bà **BÙI THỊ KIM OANH**



Bà Oanh hiện là Giám đốc điều hành của Vietnam Equity Fund, và có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Việt Nam. Bà Oanh từng làm việc cho tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt trong vòng 6 năm và Quản lý Quỹ Vietnam Frontier Fund trong vòng 7 năm. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại Đức và MBA tại Thái Lan

1.3 Kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực của nhân viên TVAM đảm nhiệm vị trí người điều hành quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ

▪ Ông NGUYỄN DUY QUANG

Ông Quang hiện là Giám đốc đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt với trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Ông Quang từng làm việc cho một số tập đoàn lớn như PricewaterhouseCoopers, Unilever ở các vị trí Chuyên viên Tư vấn quản lý và Phó phòng kế toán Quản trị trong nhiều năm và Quản lý Quỹ đầu tư nước ngoài Vietnam Equity Holding với tổng giá trị tài sản trên 100 triệu USD trong vòng 4 năm với vị trí Phó giám đốc đầu tư. Trong năm 2013, danh mục đầu tư do ông Quang quản lý đã tăng trưởng hơn 50% so với mức tăng 22% của VNIndex.

▪ Ông TRẦN VINH QUANG

Ông Quang tham gia vào Thiên Việt từ năm 2011 và chịu trách nhiệm quản lý danh mục đầu tư chứng khoán niêm yết của TVS. Trước khi tham gia TVS, ông Quang từng có hơn 6 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng quản lý Danh mục Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt, phụ trách 2 Quỹ đầu tư với tổng tài sản khoảng 70 triệu USD. Trước đó, ông Quang cũng từng công tác tại phòng kế toán tài chính tại Unilever Việt Nam. Ông Quang tốt nghiệp Cử nhân tài chính loại xuất sắc tại Đại học New South Wales – Úc vào năm 2005 theo chương trình học bổng toàn phần của chính phủ Úc. Ông Quang đã hoàn tất chương trình ACCA (Hiệp Hội Kế toán Công chứng Anh) và của CFA (Hiệp hội Chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông Quang hiện là hội viên của hiệp hội CFA.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt được thành lập từ năm 2006 theo Giấy phép thành lập hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 với tên công ty là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc (API).

Năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (TVS) thực hiện mua 99,2% API và đổi tên API thành Công ty cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) theo Giấy phép điều chỉnh số 10/GPDC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 05 năm 2015.

Tại ngày 30/6/2015, tỷ lệ vốn khả dụng của TVAM là 360% (theo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty KPMG). Cùng với sự hỗ trợ chuyên sâu từ Công ty mẹ TVS về tài chính, quản trị, công nghệ, mối quan hệ với đối tác định chế tài chính, khách hàng tiềm năng,... TVAM sẽ phát triển thành một trong những công ty quản lý quỹ uy tín hàng đầu mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và nhà đầu tư.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên đầy đủ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Tên viết tắt: BIDV Hà Thành
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy CNĐKHD-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015
- Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014. (đính kèm bản sao)
- Trụ sở chính: 74 Thọ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3941.1845/46 Fax : (84-4) 3941.1847
- Website: www.bidv.com.vn
- Thời gian hoạt động (nếu có): 12 năm
- Các điều kiện và điều khoản có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của Ngân hàng Giám sát cho Quỹ được thể hiện chi tiết tại Hợp đồng Giám sát giữa được ký giữa công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt và Ngân hàng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN (dự kiến)

- Tên công ty: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Giấy chứng nhận đầu tư số 011043000345
- Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: +84 8 3821 9266 Fax: +84 8 3821 9267

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Phía bắc:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
- Địa chỉ: Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 3248 4820 Fax: +84 4 3248 4821

Phía nam:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: 63 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +84 8 6299 2099 Fax: +84 8 6299 2088

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ

- Tên đầy đủ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM
- Tên tiếng Anh: TVAM Growth Fund
- Tên viết tắt: TVGF
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.6299 2090 Fax: 08.6299 2103
- Website: tvam.vn

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và quy mô quỹ

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán: cập nhật sau
- Quy mô quỹ: Quỹ TVGF dự kiến huy động trong lần đầu phát hành ra công chứng số Vốn điều lệ theo mệnh giá là 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng. Số vốn này được chia làm 30.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/chứng chỉ quỹ. Để thành lập quỹ, Vốn điều lệ tối thiểu huy động được phải là 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ) đồng, tương đương 15.000.000 đơn vị Quỹ.

1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ:

Quỹ là một quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chứng được TVAM quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể trước hạn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là 05 (năm) năm theo mục tiêu hoạt động của Quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

2. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ

2.1 Mục tiêu đầu tư của quỹ

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước, công ty tư nhân, công ty trên sàn OTC, các công ty sắp niêm yết và đã niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình với mức rủi ro có thể chấp nhận được.

2.2 Chiến lược đầu tư của quỹ

▪ Tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền

Quỹ sẽ tận dụng lợi thế của đội ngũ quản lý nội địa gồm Hội đồng đầu tư và Giám đốc đầu tư với nhiều mối quan hệ và kinh nghiệm thực tế để tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền. Đây là một lợi thế cạnh tranh lớn mà hầu hết các nhà quản lý quỹ đầu tư tại Việt Nam thường xuyên phải đối mặt do gặp những rào cản lớn bao gồm ngôn ngữ, phong tục địa phương, và hạn chế giới hạn đầu tư hợp pháp.

▪ Đầu tư vào những doanh nghiệp mục tiêu

Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp có đội ngũ quản lý mạnh với bề dày kinh nghiệm thị trường, tài chính minh bạch và lành mạnh, mô hình kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng cao, sản phẩm hoặc dịch vụ khác biệt, lợi thế cạnh tranh cao, thị phần đáng kể, và một chiến lược thoái vốn rõ ràng cho các nhà đầu tư.

▪ **Tập trung vào những danh mục tài sản chính**

Trong khi phần lớn các quỹ đầu tư tại Việt Nam có xu hướng tập trung vào một phân khúc thị trường cụ thể, Công ty quản lý quỹ Thiên Việt tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao hơn trung bình ở tất cả phân khúc thị trường, chứ không chỉ tập trung vào một vài phân khúc. Cơ cấu đầu tư của Quỹ như sau:

- Chứng khoán niêm yết: Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng
- Chứng khoán trước khi niêm yết: Tối đa 20% tổng giá trị tài sản ròng
- Phần vốn góp trong Công ty TNHH, Doanh nghiệp nhà nước và thị trường OTC: Tối đa 10% tổng giá trị tài sản ròng.

▪ **Tập trung vào những ngành nghề chính**

Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực thiết yếu, có tính phòng thủ như:

- Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
- Nông nghiệp
- Thủy sản
- Bất động sản & cơ sở hạ tầng
- Dịch vụ xây dựng
- Vật liệu xây dựng
- Hàng tiêu dùng
- Dịch vụ tài chính
- Năng lượng
- Công nghiệp
- Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
- Công nghệ thông tin/Viễn thông
- Ngân hàng

2.3 Phương pháp và quy trình đầu tư của quỹ

Quy trình đầu tư của Quỹ được tóm tắt như sau:

▪ **Nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư**

Quỹ sẽ tiến hành cả hai phương pháp phân tích từ trên xuống và từ dưới lên để tìm kiếm những cơ hội đầu tư tiềm năng.

- Phương pháp tiếp cận từ trên xuống bắt đầu bằng việc xác định các lĩnh vực hấp dẫn, tiếp theo là tìm công ty tiềm năng hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực đó. Cách tiếp cận từ trên xuống cố gắng để hiểu được cấu trúc ngành và hoạt động kinh doanh tổng thể cũng như những thay đổi kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đáng kể sự phát triển của ngành.
- Phương pháp tiếp cận từ dưới lên bắt đầu bằng cách xác định các công ty hấp dẫn thông qua cơ sở dữ liệu của công ty dựa trên một số chỉ tiêu hiệu quả tài chính quan

trọng như tăng trưởng lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, định giá so với các công ty cùng ngành.

- Công ty cũng có ý định tìm kiếm các cơ hội đầu tư tốt thông qua các nguồn thông tin khác nhau từ công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, công ty tư vấn đang làm việc trực tiếp với các công ty mục tiêu đang cần được đầu tư và các đối tác chiến lược đáng tin cậy. Công ty cũng sẽ tích cực tham gia, tổ chức hội nghị đầu tư và hội thảo đầu tư để nâng cao sự chú ý và xây dựng thương hiệu.

▪ **Điều nghiên/khuyến nghị đầu tư**

Sau đánh giá ban đầu của Giám đốc đầu tư, những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu. Công ty quản lý Quỹ thường chú ý đến những yếu tố sau:

- Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;
- Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- So sánh với các đối thủ trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
- Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- Phân tích SWOT về công ty.
- Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

▪ **Phê duyệt đầu tư**

Hội đồng quản trị giao quyền quyết định đầu tư cho Hội đồng đầu tư. Hội đồng đầu tư sẽ chịu tất cả trách nhiệm trong việc phê duyệt các quyết định đầu tư.

▪ **Giám sát các khoản đầu tư**

Sau mỗi quyết định đầu tư, Công ty sẽ giám sát tình hình kinh doanh của mỗi doanh nghiệp trong danh mục đầu tư thông qua các cuộc họp định kỳ với ban lãnh đạo, kiểm tra định kì hàng quý, đánh giá báo cáo tháng và báo cáo quản trị doanh nghiệp, và phát triển mối quan hệ với tư cách là cổ đông của công ty được đầu tư để có thể tư vấn cho họ. Giám đốc đầu tư có trách nhiệm báo cáo kết quả định kỳ những thông tin mới từ các công ty trong danh mục cho Hội đồng đầu tư và Hội đồng quản trị. Trong quá trình giám sát các công ty trong danh mục đầu tư, Giám đốc đầu tư sẽ thường xuyên xem xét và báo cáo Hội đồng đầu tư và Hội đồng quản trị về kế hoạch để thoái vốn các khoản đầu tư này.

▪ **Thoái vốn các khoản đầu tư**

Công ty sẽ thoái vốn từng khoản đầu tư riêng lẻ nếu việc thoái vốn là có lợi nhất cho Quỹ, tốt nhất là trong vòng 1 - 3 năm. Việc thực hiện thoái vốn có thể xảy ra thông qua

việc bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán niêm yết hay thị trường OTC. Ngoài ra, Công ty có thể thực hiện thoái vốn thông qua những phương án khác như là bán lại cho bên thứ ba (tổ chức, doanh nghiệp, hoặc cá nhân), cho các đối tác liên doanh hoặc đối tác hợp tác đầu tư ở công ty đó, và chào bán công khai ra thị trường.

▪ **Kiểm soát rủi ro**

- Hội đồng đầu tư sẽ quan sát chặt chẽ những thay đổi về kinh tế vĩ mô và yếu tố xã hội để đưa ra những chiến lược đầu tư thích hợp, nhằm có được tỷ lệ phân bổ giữa tiền mặt và cổ phiếu hợp lý để tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro, đặc biệt là trong những vấn đề kinh tế và chính trị.
- Giám đốc đầu tư phải báo cáo, giải thích và đề nghị "Giữ" hay "Cắt lỗ" cho Hội đồng đầu tư trong các trường hợp:
- Giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư giảm hơn 15% so với giá trị tại thời điểm đầu năm tài chính.
- Giá cổ phiếu của mỗi công ty trong danh mục đầu tư giảm hơn 20% so với giá mua trung bình (trong năm đầu tiên) hoặc giá trị tại thời điểm đầu năm tài chính (từ năm thứ hai trở đi).

2.4 Hạn chế đầu tư của quỹ

Quỹ sẽ áp dụng các hạn chế về đầu tư dưới đây:

- a. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c. Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- d. Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- e. Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- f. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ mình, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- g. Trường hợp Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Đầu tư vào Quỹ có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này. Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, Quỹ có cơ chế quản lý rủi ro như cắt lỗ và phân bổ tài sản để giảm thiểu rủi ro về thị trường.

3.2 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những yếu tố quan trọng của Quỹ là việc đầu tư và thoát khỏi thị trường đúng thời điểm. Vì thế tính thanh khoản của thị trường đóng vai trò quan trọng đến lợi nhuận của Quỹ. Với mô hình đầu tư theo xu thế dựa vào phân tích định lượng, Quỹ sử dụng những thuật toán nhằm tiệm cận hóa những vùng đỉnh và đáy của thị trường. Đây là những vùng mà tính thanh khoản vẫn còn khá tốt, đáp ứng được nhu cầu đầu tư vào và thực hiện hóa lợi nhuận của Quỹ. Đồng thời, tính thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần được cải thiện.

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất cũng gây ra những ảnh hưởng quan trọng đến Quỹ vì một phần giá trị tài sản ròng của Quỹ được đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng hay các sản phẩm có thu nhập cố định... trong thời gian chờ cơ hội đầu tư vào chứng khoán. Giá trị những tài sản này có xu hướng biến động ngược chiều với lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường đi lên, giá trị các tài sản là trái phiếu và tiền gửi ngân hàng của Quỹ sẽ giảm, và ngược lại.

b. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và làm giảm hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Ngoài ra, lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị đồng tiền, nếu tỷ lệ lạm phát cao hơn tỷ suất lợi nhuận của các khoản đầu tư thì lãi suất thực sẽ là số âm. Tuy nhiên, với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền đang được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014, chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 4,09% so với năm 2012 và năm 2013. Đây là mức thấp nhất trong 10 năm qua của Việt Nam.

c. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn non trẻ và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do quy mô thị trường còn nhỏ và còn nhiều hạn chế về mặt kỹ thuật, nhà

nước vẫn đang điều hành theo hướng cải thiện dần dần sự vận hành của thị trường. Chắc chắn trong tương lai sẽ còn nhiều chính sách được đưa ra và những chính sách này có thể ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến hoạt động của quỹ. Do vậy, các vấn đề pháp lý cần phải được xem xét cẩn trọng để đảm bảo quyền lợi cho Nhà đầu tư vào quỹ.

d. Rủi ro tín nhiệm

Mức độ rủi ro tín nhiệm của trái phiếu được đánh giá dựa trên các yếu tố kinh tế và khả năng hoàn trả lãi và gốc trái phiếu của nhà phát hành. Rủi ro tín nhiệm được thể hiện qua hệ số tín nhiệm. Hệ số tín nhiệm do các công ty đánh giá tín nhiệm ấn định. Hệ số tín nhiệm càng cao thì trái phiếu được coi là càng an toàn.

3.4 Rủi ro xung đột lợi ích

Là rủi ro phát sinh từ những xung đột lợi ích giữa các Quỹ mà Công ty quản lý quỹ hiện đang quản lý hoặc các quỹ với chính Công ty quản lý quỹ hoặc giữa Quỹ và các sản phẩm tài chính khác của Công ty quản lý quỹ. Các xung đột này có thể dẫn đến sự có lợi hay bất lợi đối với mỗi một Quỹ. Để giảm thiểu những xung đột này, mỗi một Quỹ và Công ty quản lý quỹ sẽ có nhân sự phụ trách kèm theo chế độ theo dõi hoặc toán riêng và được giám sát chặt chẽ bởi Ban đại diện quỹ cũng như Ngân hàng giám sát của từng Quỹ. Ngoài ra, Công ty quản lý quỹ còn có Ban Kiểm soát tuân thủ chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ luật lệ của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

3.5 Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ:

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đang đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.6 Rủi ro về cơ sở dữ liệu

Do thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới có hơn 10 năm lịch sử nên dữ liệu về những chu kỳ kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán chưa đầy đủ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Mô hình được thử nghiệm trên cơ sở dữ liệu dài nhất có thể và được phân thành các chu kỳ nhỏ để kiểm tra khả năng thích ứng của mô hình.

3. Điều lệ Quỹ trong đợt chào bán lần đầu: Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

3.1. Các điều khoản chung

a. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

- Quỹ là quỹ công chúng dạng đóng tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
- Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.

- Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

b. Quy mô vốn điều lệ và số lượng chứng chỉ quỹ phát hành

- Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
- Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng là 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành 30.000.000 đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
- Việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn điều lệ của Quỹ phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được UBCKNN chấp thuận.

3.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước, công ty tư nhân, công ty trên sàn OTC, các công ty sắp niêm yết và đã niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

b. Chiến lược đầu tư

▪ **Tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền**

Quỹ sẽ tận dụng lợi thế của đội ngũ quản lý nội địa gồm Hội đồng đầu tư và Giám đốc đầu tư với nhiều mối quan hệ và kinh nghiệm thực tế để tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền. Đây là một lợi thế cạnh tranh lớn mà hầu hết các nhà quản lý quỹ đầu tư tại Việt Nam thường xuyên phải đối mặt do gặp những rào cản lớn bao gồm ngôn ngữ, phong tục địa phương, và hạn chế giới hạn đầu tư hợp pháp.

▪ **Đầu tư vào những doanh nghiệp mục tiêu**

Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp có đội ngũ quản lý mạnh với bề dày kinh nghiệm thị trường, tài chính minh bạch và lành mạnh, mô hình kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng cao, sản phẩm hoặc dịch vụ khác biệt, lợi thế cạnh tranh cao, thị phần đáng kể, và một chiến lược thoái vốn rõ ràng cho các nhà đầu tư.

▪ **Tập trung vào những danh mục tài sản chính**

Trong khi phần lớn các quỹ đầu tư tại Việt Nam có xu hướng tập trung vào một phân khúc thị trường cụ thể, Công ty quản lý quỹ Thiên Việt tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao hơn trung bình ở tất cả phân khúc thị trường, chứ

không chỉ tập trung vào một vài phân khúc. Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- Chứng khoán niêm yết: Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng
- Chứng khoán trước khi niêm yết: Tối đa 20% tổng giá trị tài sản ròng
- Phần vốn góp trong Công ty TNHH, Doanh nghiệp nhà nước và thị trường OTC: Tối đa 10% tổng giá trị tài sản ròng.

▪ **Tập trung vào những ngành nghề chính**

Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ như:

- Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
- Nông nghiệp
- Thủy sản
- Bất động sản & cơ sở hạ tầng
- Dịch vụ xây dựng
- Vật liệu xây dựng
- Hàng tiêu dùng
- Dịch vụ tài chính
- Năng lượng
- Công nghiệp
- Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
- Công nghệ thông tin/Viễn thông
- Ngân hàng

▪ **Các hạn chế đầu tư**

Quỹ sẽ áp dụng các hạn chế về đầu tư dưới đây:

- Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán, tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản là cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;

- Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ mình, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Trường hợp Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

▪ **Phương pháp lựa chọn đầu tư;**

Sau đánh giá ban đầu của Giám đốc đầu tư, những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu. Công ty quản lý Quỹ thường chú ý đến những yếu tố sau:

- Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;
- Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- So sánh với các đối thủ trong ngành ở trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
- Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- Phân tích SWOT về công ty.
- Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

3.3 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

3.1 Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát.

3.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- a. Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
- b. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
- c. Việc xác định Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

i. Giá trị tài sản tài chính

ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại

		diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

ii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

3.4 Đặc trưng của quỹ

a. Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 100 chứng chỉ Quỹ và không có giới hạn sở hữu tối đa trong mức tổng vốn dự kiến phát hành lần đầu. Nhà đầu tư không phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bốn phạm vi với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.
- Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo mức tối đa theo quy định của pháp luật liên quan từng thời kỳ.

b. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau:

¹Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).⁴Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

- Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - Quyền tự do chuyên nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
 - Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.
- ii. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
- Đề cử người vào ban đại diện quỹ;
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - + Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - + Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

c. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;
 - Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán; tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;
 - Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
- Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.
- Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc nơi khác và phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tất cả các nhà đầu tư biết.

d. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

- Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư có thể chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và theo điều lệ quỹ.

e. Thừa kế chứng chỉ quỹ

- Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

f. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

- Trong trường hợp Quỹ đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải họp xem xét nguyên nhân thua lỗ để xem xét trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động

lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:

- Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
- Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;

Việc tăng hay giảm vốn Điều lệ phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.

ii. Trường hợp Quỹ thua lỗ do nhân viên của Công ty quản lý quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình hoặc vi phạm các quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ phải có trách nhiệm bồi thường cho Quỹ, mức bồi thường sẽ được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

g. Giải thể và thanh lý tài sản

i. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
- Đại hội nhà đầu tư được quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn.

Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ii. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể

Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
- Thanh toán các chi phí giải thể Quỹ, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Phần tài sản còn lại của Quỹ được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ.

Trường hợp tài sản Quỹ không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi nhà đầu tư sẽ chịu thiệt hại tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của mình tại Quỹ.

3.5 Thông tin về các mức phí mà quỹ phải trả

a. Phí phát hành

Phí phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng 1% mệnh giá đơn vị Quỹ/1 đơn vị Quỹ. Phí phát hành áp dụng khi phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.

b. Phí quản lý

Phí quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

i. Phí thường niên:

Phí thường niên (m) được tính một lần vào cuối năm hoặc tại thời điểm thanh lý hợp đồng theo tỷ lệ % trên giá trị tài sản ròng của danh mục (NAV) tại thời điểm cuối kỳ với công thức cụ thể tương ứng với tỷ suất lợi nhuận cuối kỳ X (đã trừ phí giao dịch):

- $X < HR\%$ không thu phí
- $HR\% < X$ 1%/năm của giá trị NAV cuối kỳ

(Trong đó $HR\% = 8\%$)

Công ty Quản lý Quỹ sẽ tự động trích thu phí quản lý từ Danh mục đầu tư của Khách hàng khi đến hạn.

ii. Phí Thưởng: Công ty Quản lý quỹ được hưởng phí thưởng như sau:

Phí thưởng hoạt động (p) được tính một lần vào cuối năm theo tỷ lệ % trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với công thức như sau:

Giá trị X	Mức thưởng (p)
$X^* \leq 8\%$	0%
$X^* > 8\%$	$20\% \times (X^* - 8\%) \times \text{NAV đầu kỳ}$

Điều khoản thưởng cũng được điều chỉnh theo mức lợi suất cao nhất trước đó (điều khoản “high water mark”) được áp dụng theo thông lệ quốc tế đối với phí thưởng hoạt động để bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư. **Trong đó :**

- *Giá trị tài sản ròng (NAV): Bao gồm tiền, các khoản phải nhận, phải thu và giá trị danh mục cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm xác định sau khi đã tính mọi chi phí giao dịch. Trong trường hợp không có giá thị trường thì giá sử dụng để tính NAV theo thứ tự ưu tiên sẽ là giá giao dịch gần nhất của bên thứ 3 độc lập trong vòng 30 ngày gần nhất, giá được định giá lại với sự đồng ý của Bên A, giá mua.*

- *Tỷ suất lợi nhuận (X): được tính theo giá trị tài sản ròng tại thời điểm cuối và giá trị tài sản ròng thời điểm đầu của giai đoạn đánh giá.*

$$X = (NAV \text{ cuối} / NAV \text{ đầu})^{(1/t)} - 1$$

t: là thời gian đầu tư tính theo năm

- *Tỷ suất lợi nhuận tính thưởng (X*): được tính bằng tỷ suất lợi nhuận X trừ đi phí thường niên*

$$X^* = X - m$$

c. Phí giám sát, lưu ký

Phí giám sát, lưu ký là mức phí được trả cho Ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý quỹ với Ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài

thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

d. Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

Các chi phí này có thể bao gồm:

- Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch khi phát hành chứng chỉ Quỹ;
- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định.

3.6 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

a. Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ;

- Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua hàng năm. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và đã công

bổ tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

- Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Mức chi trả lợi tức do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ;
- Phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

b. Chính sách thuế:

Thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn).

3.6 Đại hội nhà đầu tư

a. Đại hội nhà đầu tư thường niên, bất thường

- Đại hội nhà đầu tư thường niên Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư vào ngày chốt quyền tham dự đại hội do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, đều có quyền tham dự Đại hội.
 - Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Công ty quản lý quỹ triệu tập và được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.
 - Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Đại hội nhà đầu tư bất thường
- i. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - Theo yêu cầu của nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng;
 - Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 02 (hai) thành viên

ii. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư trong thời hạn này, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo.

b. Quyền hạn và nhiệm vụ của nhà đầu tư, đại hội nhà đầu tư

- i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;
- ii. Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức phí trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- iii. Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;
- iv. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- v. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- vi. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- vii. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật liên quan.

c. Thủ tục tiến hành họp và thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

- i. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.
- ii. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- iii. Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.

- iv. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- v. Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
- vi. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, công bố thông tin trên website điện tử cho nhà đầu tư biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư.
- vii. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
- viii. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

3.7 Ban đại diện quỹ

a. Tổ chức Ban đại diện Quỹ

- i. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, là cơ quan đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư bao gồm từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên.
- ii. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 3 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
- iii. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định của Điều lệ Quỹ, số lượng thành viên còn lại không dưới 2 (hai) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.
- iv. Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 2 (hai) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên còn lại dưới 2 (hai) thành viên.
- v. Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và Ngân hàng giám sát.

b. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

- i. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- ii. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các

ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Điều lệ Quỹ.

- iii. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- iv. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- v. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- vi. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

c. Quyền, trách nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ

- i. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và Điều lệ Quỹ.
- ii. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
- iii. Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

d. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- i. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- ii. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

e. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- i. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- ii. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

f. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

- i. Ban đại diện quỹ phải họp họp tối thiểu 3 tháng 1 lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- ii. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
- iii. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- iv. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
- v. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện quỹ.
- vi. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ.

3.8 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

a. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

b. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

- i. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ
 - Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
 - Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
 - Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự

công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;

- Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
- Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
- Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

ii. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- Được hưởng các khoản phí và thưởng được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;
- Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

c. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

i. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ quỹ;
- Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư;

- Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - Quỹ hết thời gian hoạt động.
- ii. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật.

d. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- i. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát của quỹ.
- ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc cho ngân hàng giám sát của quỹ.
- iii. Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
- iv. Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản iii Điều này, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
- v. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.
- vi. Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.
- vii. Công ty quản lý quỹ sẽ không:
 - Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng khác do mình quản lý;
 - Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ.
- viii. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh

cho bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.

- ix. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.
- x. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ.

3.9 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

a. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- i. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
- ii. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- iii. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ, trừ trường hợp các giao dịch ngoại hối phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, hoặc các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- iv. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
- v. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

b. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

i. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

- Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật,

Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;

- Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập;
- Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.
- Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

ii. Quyền của ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

c. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

- i. Ngân hàng lưu ký giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- ii. Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
- iii. Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- iv. Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư.

Trong các trường hợp chấm dứt trên, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

3.10 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

a. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ chọn công

ty kiểm toán tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- i. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- iii. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- iv. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

b. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

c. Báo cáo tài chính

- i. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- ii. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

d. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

X. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Căn cứ pháp lý:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;

- Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán;
- Thông tư số 216/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán;
- Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đồng và quỹ thành viên;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn pháp luật khác có liên quan.

2. Phương án phát hành chứng chỉ quỹ

▪ Thông tin chung:

- Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM
- Tên tiếng Anh: TVAM Growth Fund
- Tên viết tắt: TVGF
- Loại hình: quỹ đóng
- Thời hạn của quỹ: 5 năm

▪ Mục tiêu/chiến lược đầu tư:

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước, công ty tư nhân, công ty trên sàn OTC, các công ty sắp niêm yết và đã niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

- **Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư :**
 - Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
 - Nông nghiệp
 - Thủy sản
 - Bất động sản & cơ sở hạ tầng
 - Dịch vụ xây dựng
 - Vật liệu xây dựng
 - Hàng tiêu dùng
 - Dịch vụ tài chính
 - Năng lượng
 - Công nghiệp
 - Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
 - Công nghệ thông tin/Viễn thông
 - Ngân hàng
- **Cơ cấu đầu tư:**
 - Chứng khoán niêm yết: Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng
 - Chứng khoán trước khi niêm yết: Tối đa 20% tổng giá trị tài sản ròng
 - Phần vốn góp trong Công ty TNHH, Doanh nghiệp nhà nước và thị trường OTC: Tối đa 10% tổng giá trị tài sản ròng.
- **Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán (hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):**

Số lượng chứng chỉ quỹ tối đa dự kiến chào bán là 30.000.000 đơn vị Quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu dự kiến chào bán là 15.000.000 đơn vị Quỹ. Mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị Quỹ
- **Thời hạn chào bán, gia hạn thời gian chào bán:**

Tối thiểu là 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ ngày bắt đầu chào bán chứng chỉ quỹ. Thời gian phân phối chứng chỉ quỹ sẽ được nêu chi tiết trong Thông báo phát hành sau khi Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ racông chúng.
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/Chứng chỉ quỹ
- **Phí phát hành lần đầu (x%):** 1% tương đương 100 (một trăm đồng)/ Chứng chỉ quỹ
- **Giá phát hành:** 10.100 đồng/Chứng chỉ quỹ (đã bao gồm phí phát hành).
- **Phương thức đăng ký mua:** đăng ký trực tiếp tại Đại lý phân phối được chỉ định hoặc tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)
- **Số lượng đăng ký tối thiểu:** 100 (Một trăm) chứng chỉ Quỹ
- **Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu:**

Chứng chỉ quỹ được phân phối một cách công bằng, công khai trong thời hạn phát hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về giới hạn quyền sở hữu. Trường hợp số lượng

chứng chỉ quỹ đăng ký mua vượt quá số lượng chứng chỉ quỹ tối đa đăng ký chào bán, Công ty quản lý quỹ phải phân phối hết số chứng chỉ quỹ được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

▪ **Hủy bỏ phát hành chứng chỉ quỹ**

Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số chứng chỉ quỹ được đăng ký mua thấp hơn 15.000.000 chứng chỉ quỹ (tương đương 150 tỷ đồng mệnh giá), hoặc có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư (không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) mua Chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đợt phát hành bị huỷ bỏ, phí chuyển tiền sẽ do nhà đầu tư chịu.

▪ **Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư:**

Công ty quản lý quỹ sẽ xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư, lập và lưu trữ Sổ đăng ký nhà đầu tư trong vòng năm (5) ngày làm việc sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực.

▪ **Phương thức và hình thức thanh toán:**

Tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát.

▪ **Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối:**

- Đại diện phát hành:

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM
- Điện thoại: 08.6299 2090 Fax: 08.6299 2103

- Đại lý phân phối:

Phía bắc:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
- Địa chỉ: Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 3248 4820 Fax: +84 4 3248 4821

Phía nam:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: 63 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: + 84 8 6299 2099 Fax: +84 8 6299 2088

▪ **Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành.**

Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành bao gồm:

- Tổ chức phát hành: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM (TVGF)

- Đại diện phát hành: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng BIDV – CN Hà Thành
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Đại lý phân phối : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (TVS) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại TP.HCM.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.1 Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát.

3.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
- Việc xác định Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

i. Giá trị tài sản tài chính

ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc

		+ Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

ii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁴ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ⁵
2	Quyền chọn trái phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁶ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

⁴Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

⁵ Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

⁶ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

4. Thông tin hướng dẫn tham đầu tư vào Quỹ

(Phụ lục I đính kèm)

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính: được báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên, năm theo quy định của pháp luật.

2. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

2.1. Phí phát hành.

Phí phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng 1% mệnh giá chứng chỉ Quỹ/1 chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành áp dụng khi phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.

2.2. Phí quản lý

a. Phí quản lý

Phí quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

a.1 - Phí thường niên:

Phí thường niên (m) được tính một lần vào cuối năm hoặc tại thời điểm thanh lý hợp đồng theo tỷ lệ % trên giá trị tài sản ròng của danh mục (NAV) tại thời điểm cuối kỳ với công thức cụ thể tương ứng với tỷ suất lợi nhuận cuối kỳ X (đã trừ phí giao dịch):

- $X < HR\%$ không thu phí
- $HR\% < X$ 1%/năm của giá trị NAV cuối kỳ

(Trong đó $HR\% = 8\%$)

Công ty Quản lý Quỹ sẽ tự động trích thu phí quản lý từ Danh mục đầu tư của Khách hàng khi đến hạn.

a.2 - Phí Thưởng: Công ty Quản lý quỹ được hưởng phí thưởng như sau:

Phí thưởng hoạt động (p) được tính một lần vào cuối năm hoặc tại thời điểm thanh lý hợp đồng theo tỷ lệ % trên giá trị tài sản ròng của danh mục tại thời điểm ban đầu với công thức cụ thể như sau:

Giá trị X	Mức thưởng (p)
$X^* \leq 8\%$	0%
$X^* > 8\%$	$20\% \times (X^* - 8\%) \times \text{NAV đầu kỳ}$

Điều khoản thưởng cũng được điều chỉnh theo mức lợi suất cao nhất trước đó (điều khoản “high water mark”) được áp dụng theo thông lệ quốc tế đối với phí thưởng hoạt động để bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư.

Trong đó :

- *Giá trị tài sản ròng (NAV): Bao gồm tiền, các khoản phải nhận, phải thu và giá trị danh mục cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm xác định sau khi đã tính mọi chi phí giao dịch. Trong trường hợp không có giá thị trường thì giá sử dụng để tính NAV theo thứ tự ưu tiên sẽ là giá giao dịch gần nhất*

của bên thứ 3 độc lập trong vòng 30 ngày gần nhất, giá được định giá lại với sự đồng ý của Bên A, giá mua.

- *Tỷ suất lợi nhuận (X): được tính theo giá trị tài sản ròng tại thời điểm cuối và giá trị tài sản ròng thời điểm đầu của giai đoạn đánh giá.*

$$X = (NAV \text{ cuối} / NAV \text{ đầu})^{(1/t)} - 1$$

t: là thời gian đầu tư tính theo năm

- *Tỷ suất lợi nhuận tính thường (X*): được tính bằng tỷ suất lợi nhuận X trừ đi phí thường niên*

$$X^* = X - m$$

b. Phí giám sát, lưu ký

Phí giám sát, lưu ký là mức phí được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý quỹ với Ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

c. Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật

Các chi phí này có thể bao gồm:

- Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch khi phát hành chứng chỉ Quỹ;

- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định.

3. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

- Việc chia lợi nhuận hàng năm sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thường niên thông qua dưới sự đề xuất của Ban đại diện quỹ. Trong mỗi Quý hoặc có thể 6 tháng, căn cứ vào kết quả lợi nhuận báo cáo, Quỹ có thể tạm ứng lợi tức cho Nhà đầu tư nếu Ban đại diện quỹ thống nhất.
- Nguồn để phân phối lợi tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau :
 - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải là số dương.
- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà đầu tư.
- Lợi tức Quỹ được chi trả bằng tiền. Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận lợi tức quỹ. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi tức.
- Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ Quỹ);
 - Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ);
 - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

4. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ

Báo cáo hoạt động Quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày kể từ ngày định giá;

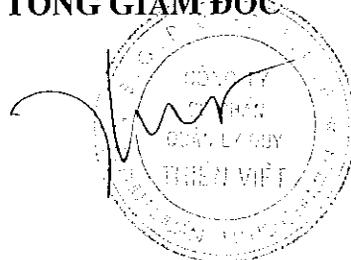
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- **Phụ lục I: Quy trình hướng dẫn mua Chứng chỉ Quỹ**
- **Phụ lục II: Phiếu đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ**
- **Phụ lục III: Địa chỉ các nơi bán cáo bạch được cung cấp**
- **Phụ lục IV: Dự thảo Điều lệ Quỹ**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VINH QUANG

PHỤ LỤC I: QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM được phân phối cho các nhà đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt và các đại lý phân phối được chỉ định của Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt nêu tại Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư sau khi tìm hiểu thông tin về Quỹ mong muốn mua Chứng chỉ Quỹ, vui lòng thực hiện theo các bước sau:

1. Điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký mua chứng chỉ Quỹ;
2. Nộp Phiếu đăng ký cùng với các giấy tờ sau của nhà đầu tư cho Đại diện phát hành hoặc Tổ chức đại lý phân phối:
 - a. Đối với nhà đầu tư cá nhân: Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của nhà đầu tư.
 - b. Đối với nhà đầu tư tổ chức:
 - i. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép/Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương;
 - ii. Bản sao Quyết định bổ nhiệm/ủy quyền hoặc văn bản đăng ký người đại diện hợp pháp của tổ chức hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - iii. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện hợp pháp của Tổ chức.
3. Nhà đầu tư nộp tiền hoặc chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa của Quỹ [...] mở tại Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành theo chỉ dẫn: Chứng chỉ quỹ
 - Tên tài khoản: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM
 - Số tài khoản:
 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
 - Nội dung chuyển tiền: [Tên nhà đầu tư]_[Số CMT]_Đăng ký mua_TVAMGrowthFund_Phát hành lần đầu

Lưu ý đối với Nhà đầu tư nước ngoài:

Nhà đầu tư nước ngoài, ngoài việc thực hiện các bước đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ nêu trên, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và hoạt động kinh doanh chứng khoán áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC 2: PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG TVAM (TVGF)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

1. Tên Cá nhân/ Tổ chức:
- 1.1 Số CMND/ Giấy ĐKKD:
- 1.2 Địa chỉ:
- 1.3 Số điện thoại:Fax:
2. Người đại diện (Tổ chức):
 - 2.1 Họ và tên:
 - 2.2 Chức vụ:
 - 2.3 Số CMND/ Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 2.4 Quốc tịch:
 - 2.5 Địa chỉ thường trú:
3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp vào Quỹ:
 - 3.1 Họ và tên:
 - 3.2 Chức vụ:
 - 3.3 Số CMND/ Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 3.4 Quốc tịch:.....
 - 3.5 Địa chỉ thường trú:
4. Số lượng đăng ký mua: chứng chỉ quỹ
 - 4.1 Mệnh giá/ chứng chỉ Quỹ: 10.000 đồng
 - 4.2 Giá mua/chứng chỉ Quỹ: 10.100 đồng
 - 4.3 Tổng số tiền mua:
 - 4.4 Bằng chữ:
 - 4.5 Thời gian nộp tiền:
 - 4.6 Nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ:
5. Cam kết: Sau khi nghiên cứu Bản cáo bạch và dự thảo Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:
 - 5.1 Mua đủ số chứng chỉ quỹ đã đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ.
 - 5.2 Chấp thuận các nội dung của Bản cáo bạch của Quỹ.
 - 5.3 Tuân thủ đầy đủ các quy định trong điều lệ và quy định của pháp luật liên quan đến việc mua chứng chỉ quỹ.

....., ngày.....tháng.....năm.....

*Cá nhân/ Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC III: ĐỊA CHỈ CÁC NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: 08.6299 2090

Fax: 08.6299 2103

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Địa chỉ: Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 3248 4820

Fax: +84 4 3248 4821

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 63 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: + 84 8 6299 2099

Fax: +84 8 6299 2088

PHỤ LỤC IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

